

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Ông Võ Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/2025/TB-TA ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 30/6/1992

Đăng ký thường trú: Khóm M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang); chỗ ở hiện nay: Số C, tổ A, ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là số 382, tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Trọng Q, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số F, tổ A, khóm M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là số 62, tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q do mai mối nên tiến đến hôn nhân. Đến ngày 03/9/2013, chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ anh Trần Trọng Q tại địa chỉ khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Trần Trọng Q thường xuyên ăn chơi, tham gia cờ bạc, không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc cho gia đình. Vì nghĩ đến gia đình, chị Huỳnh Thị Ngọc T đã tha thứ cho anh Q. Đến năm 2022, anh Trần Trọng Q tiếp tục ăn chơi gây ra nợ nần để chị Huỳnh Thị Ngọc T và gia đình trả nợ thay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 4/2024. Đến ngày 13/8/2024, anh Trần Trọng Q sử dụng trái phép chất ma túy nên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 01 - Công an tỉnh A nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q; bản thân chị Huỳnh Thị Ngọc T có cho anh Trần Trọng Q cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trần Trọng Q không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trọng Q.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q có 02 (hai) con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; hiện tại, hai con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; không yêu cầu anh Trần Trọng Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2025, bị đơn anh Trần Trọng Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh Trần Trọng Q đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọc T. Về con chung, anh Trần Trọng Q đồng ý để chị Huỳnh Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; anh Trần Trọng Q không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Huỳnh Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Trần Trọng Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc T. Về quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Trọng Q. Về con chung, chị Huỳnh Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; anh Trần Trọng Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Trần Trọng Q và yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Trần Trọng Q (bị đơn) có nơi cư trú tại số F, tổ A, ấp M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là số 62, tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trọng Q của chị Huỳnh Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T cho rằng, chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang ngày 03/9/2013. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Trần Trọng Q thường xuyên ăn chơi, tham gia cờ bạc, không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 4/2024 do anh Trần Trọng Q tiếp tục ăn chơi gây ra nợ nần và sử dụng trái phép chất ma túy; vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q; bản thân chị Huỳnh Thị Ngọc T có cho anh Trần Trọng Q cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trần Trọng Q không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị

Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trọng Q.

Anh Trần Trọng Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc T.

Xét thấy, chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Huỳnh Thị Ngọc T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trọng Q. Anh Trần Trọng Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ngọc T. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn anh Trần Trọng Q phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T xác định chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q có 02 (hai) con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; hiện tại, hai con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020; không yêu cầu anh Trần Trọng Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Trọng Q đồng ý để chị Huỳnh Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Trọng M và Trần Ngọc N.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Huỳnh Thị Ngọc T, con chung hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị Ngọc T; quá trình sinh sống với chị Huỳnh Thị Ngọc T, con chung vẫn phát triển tốt; đồng thời, căn cứ Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày 30/6/2025 (BL: 14), cháu Trần Trọng M có nguyện vọng được sống với chị Huỳnh Thị Ngọc T và sống chung với cháu Trần Ngọc N. Mặt khác, hiện nay, anh Trần Trọng Q đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để giúp cháu Trần Trọng M và cháu Trần Ngọc N phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần Trọng Q ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Trần

Trọng Q ly hôn nên anh Trần Trọng Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Huỳnh Thị Ngọc T không yêu cầu anh Trần Trọng Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọc T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn anh Trần Trọng Q.

[2] Về con chung:

Chị Huỳnh Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Trần Trọng M, sinh ngày 24/8/2014 và Trần Ngọc N, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay đang sống với chị Huỳnh Thị Ngọc T.

Anh Trần Trọng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Trọng Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0024553 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang
(trước đây là UBND thị trấn Mỹ Luông,
huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang